



zhǔ chǎng

主场

noun · home ground; home court

Example Sentences

zhè chǎng bǐ sài zài zhǔ chǎng jìn xíng

这场比赛在主场进行。

This match is played at home.

zhǔ chǎng zuò zhàn de qiú duì shì qì hěn gāo

主场作战的球队士气很高。

The team playing at home has high morale.

tā men zài zhǔ chǎng qiú mí de huān hū shēng zhōng yíng dé le shèng lì

他们在主场球迷的欢呼声中赢得了胜利。

They won the victory amid the cheers of the home fans.

Trace each character, then write the word on your own.

主主主主主主主主

场场场场场场场场场